

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 211/2022/ HSST.

Ngày: 08/7/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh T

Bà Nguyễn Thị T

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N - Thư ký TAND TP H.

Đại diện Viện kiểm sát ND thành phố H tham gia phiên tòa:

Ông Trịnh Huy A - Kiểm sát viên

Ngày 08 /7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 217/2022/HSST ngày 27/5/2022. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2022/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo: **Hà Văn T** sinh năm: 1999; ĐKNKTT và chỗ ở: khu phố S, phường S, thành phố S, tỉnh H; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Hà Văn T và con bà Lê Thị C; vợ: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 21/12/202; hiện bị cáo đang tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố H; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị Lâm Thị G - Sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường Đ, TP H, tỉnh H.

2. Chị Trương Thị T - Sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố H, tỉnh H.

3. Chị Lê Thị Thanh T - Sinh năm: 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường C, thành phố H, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Nhữ H - Sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường S, thành phố S, tỉnh H.

2. Anh Nguyễn Thế Q - Sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố S, phường S, thành phố S, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Hà Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do có mục đích chiếm đoạt tài sản nên trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2021 đến ngày 11/12/2021, Hà Văn T nhiều lần sử dụng xe máy, tháo biển kiểm soát, mặc áo chống nắng trùm đầu, che kín mặt. Sau đó, điều khiển xe máy đi trên các tuyến đường thuộc địa bàn TP. H và TP. S, khi phát hiện những người đi đường có sơ hở trong việc quản lý tài sản thì điều khiển xe áp sát, dùng tay nhanh chóng giật tài sản rồi tăng ga bỏ chạy. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 07/12/2021, Hà Văn T điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển kiểm soát 36B8 - 271.93 (T mượn của bạn gái là Văn Thị N, sinh năm 2001, trú tại khu phố T, phường S, thành phố S với lý do đi việc cá nhân), khi điều khiển xe đến trước phường V, thành phố H, quan sát thấy chị Lâm Thị G, sinh năm 2001, trú tại phố Q, phường Đ, thành phố H đang dừng xe máy bên đường để nghe điện thoại. Tuấn quay đầu xe máy rồi vượt lên áp sát bên phải, dùng tay trái giật chiếc điện thoại Iphone XS Max của chị G và nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó, T tháo thẻ sim thuê bao 0328.848.607 vứt đi rồi đem điện thoại đã cướp giật được cùng với chiếc điện thoại Iphone X của T đến cửa hàng Anh H Mobile ở đường T, phường S, thành phố S thế chấp cho anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1989, trú tại khu phố S, phường S, thành phố S (chủ cửa hàng) vay được số tiền 8.000.000 đồng, số tiền trên T tiêu xài cá nhân hết. Chiếc điện thoại di động Iphone XS Max mà T thế chấp là tài sản do cướp giật mà có nhưng anh Q không biết, T nói với anh Q là điện thoại cá nhân, khi nào có tiền sẽ chuộc lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KL - HĐĐGTS ngày 01/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND thành phố H, xác định: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng gold, đã qua sử dụng có giá trị là 9.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ 15 phút, ngày 09/12/2021, T điều khiển xe mô tô Wave RSX, màu trắng, biển kiểm soát 36N1-046.87 (T mượn của bạn là Nguyễn Bá T, sinh năm 1999, trú tại TDP. Lập Công, phường S, thành phố S với lý do đi chơi). Khi đi đến đường làng thuộc thôn T, xã M, thành phố S, T thấy chị Trương Thị T, sinh năm 1993, trú tại xã H, thành phố S đang điều khiển xe mô tô đi phía trước, tay trái cầm điện thoại để nghe, T đã áp sát bên phải chị T, dùng tay trái giật được chiếc điện thoại di động Vivo - V2029 có ốp nhựa không màu (bên trong có 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) rồi tăng ga bỏ chạy. Chị T có điều khiển xe máy

đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi giật được tài sản, T lấy 200.000 đồng, vứt bỏ thẻ sim thuê bao 0397.584.507 và chiếc ốp điện thoại rồi bán chiếc điện thoại cho chị Vũ Thị H, sinh năm 1989 (là chủ cửa hàng L Mobile) ở Tổ dân phố X, phường T, thành phố S lấy số tiền 2.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Khi mua chị H kiểm tra chiếc điện thoại không có mặt khẩu màn hình và T nói điện thoại của T nên không biết đó là tài sản do phạm tội mà có.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL - HĐĐGTS ngày 21/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND thành phố S, xác định: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, màu đen, số máy V2029, đã qua sử dụng và 01 ốp điện thoại di động màu trắng có tổng giá trị là 1.850.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 11/12/2021, T điều khiển xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển kiểm soát 36B8-271.93 (T mượn của bạn gái là Văn Thị N với lí do đi việc cá nhân). Khi đi trên đường Quốc lộ gần khu vực ngã ba M, thuộc địa phận phường T, thành phố H, thấy chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 2000, trú tại phố 1, phường C, thành phố H đang cầm nghe điện thoại ở tay trái, Tuấn đã áp sát bên phải, dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro Max rồi tăng ga bỏ chạy. Sau đó, T tháo thẻ sim thuê bao 0962.388.778 rồi mang chiếc điện thoại bán cho anh Lê Nhữ H, sinh năm 1987 (là chủ cửa hàng điện thoại H Mobile) phường S, thành phố S được 15.000.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Khi đến bán điện thoại, T nói điện thoại là của bản thân, anh H kiểm tra điện thoại thấy không cài đặt mặt khẩu màn hình, không có tài khoản Icloud và hoạt động bình thường nên đồng ý mua lại mà không biết là tài sản do phạm tội mà có.

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KL - HĐĐGTS ngày 01/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND thành phố H, xác định: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị là 16.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã tiến hành điều tra, xác minh. Đến ngày 21/12/2021, Hà Văn T đã đến Công an thành phố H đầu thú.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone XS Max, 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max và 01 điện thoại di động Vivo - V2029, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định trả lại tài sản cho các bị hại.

- Đối với ốp điện thoại và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng do tài sản không lớn nên bị hại Trương Thị T không có yêu cầu, đề nghị gì.

- 01 chiếc xe mô tô Honda Vision, màu đen, biển kiểm soát 36B8 - 271.93, quá trình xác minh, thuộc đăng ký chủ sở hữu của ông Hà Văn H (cậu ruột Văn Thị N). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại tài sản trên cho chị Văn Thị N là người quản lý, sử dụng chiếc xe trên.

- 01 chiếc xe mô tô Wave RSX, màu trắng, biển kiểm soát 36N1 - 046.87 của anh Nguyễn Bá T, quá trình xác minh, chiếc xe trên thuộc đăng ký chủ sở hữu của bà Ngô Thị M (mẹ đẻ T). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S không thu giữ tài sản trên.

- Đối với những thẻ sim điện thoại số thuê bao 0328.848.607, 0962.388.778, 0397.584.507, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Do các bị hại không yêu cầu nên Cơ quan điều tra không định giá tài sản này là phù hợp.

- Chiếc áo chống nắng mà T mặc để đi cướp giật tài sản, T khai đã bị mất, không rõ ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về phần dân sự:

- Các bị hại đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu gì khác.

- Do gia đình bị can đã bồi thường số tiền mua điện thoại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thế Q và chị Vũ Thị H nên những người này không có yêu cầu gì.

- Anh Lê Nhữ H yêu cầu được bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Ngày 04/7/2022 bà Lê Thị C là mẹ đẻ bị cáo đã thay mặt bị cáo khắc phục toàn bộ số tiền trên, nên anh Lê Nhữ H đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone X, màu trắng là tài sản của bị can Hà Văn T, không phải là vật chứng của vụ án nên Cơ quan điều tra đã giao lại cho bà Lê Thị C (mẹ đẻ T) bảo quản, sử dụng.

- Đối với anh Lê Nhữ H, chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Thế Q là những người mua tài sản và cho vay tiền do không biết là tài sản do bị can Hà Văn T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không có căn cứ đề xử lý.

- Đối với anh Nguyễn Bá T và chị Văn Thị N là những người cho Hà Văn T mượn xe mô tô để đi việc cá nhân, không biết việc T sử dụng để đi cướp giật tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Cáo trạng số 167/CT - VKS - TPTH ngày 24/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Hà Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS; khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí

Tòa án. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 36 đến 39 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận các bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt và tiền khắc phục hậu quả.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Do mục đích chiếm đoạt tài sản nên chỉ trong thời gian từ ngày 07/12/2021 đến 11/12/2021, Hà Văn T đã nhiều lần dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe máy, tháo biển kiểm soát xe, điều khiển xe đi dọc các tuyến đường thuộc thành phố H và thành phố S. Khi phát hiện thấy những bị hại điều khiển xe mà sử dụng điện thoại thì T bất ngờ áp sát, nhanh chóng giật điện thoại và tăng ga bỏ chạy. Với phương thức thủ đoạn phạm tội nêu trên, Hà Văn T đã thực hiện 03 vụ cướp giật tài sản. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 27.050.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hà Văn T về tội “Cướp giật tài sản” như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Hà Văn T đã phạm vào tội: “Cướp giật tài sản”. Vì bị cáo đã dùng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội, do đó được coi là “thủ đoạn nguy hiểm”, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của BLHS.

[3] Trong vụ án này do có chủ định phạm tội từ trước, nên bị cáo đã tìm khu vực đông dân cư và nhắm vào những phụ nữ có tài sản đang tham gia giao thông lại chủ quan, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã quan sát và nhắm vào người phụ nữ có tài sản thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, bị cáo nhanh chóng tiếp cận cướp giật tài sản để tẩu thoát.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân nói riêng mà còn xâm phạm đến trật tự trị an nói chung, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo.

[4]. Trong vụ án này, Hà Văn T phạm tội nhiều lần nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS, tuy nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng không chịu lao động, lại phạm tội rất nghiêm trọng, vì lẽ đó việc cách ly khỏi xã hội để cải tạo giáo dục đối với bị cáo là cần thiết. Khi lượng hình cần áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo; bị cáo đã tích cực động viên gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả trả lại toàn bộ số tiền cho anh Lê Nhữ H; sau khi phạm tội bị cáo đến cơ quan Công an đầu thú để khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị hại chị Lâm Thị G và anh Lê Nhữ H là người liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về phần thiệt hại: Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt, tiền khắc phục hậu quả và không có yêu cầu gì thêm, cần được công nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS; Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn T phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn T 36 (ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2021.

Về phần thiệt hại: Công nhận các bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo chiếm đoạt và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ số tiền khắc phục hậu quả.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA